

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 003/TO/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CHI NHÁNH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ VÀ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP (TP.HÀ NỘI)

Địa chỉ: 792 đường Nguyễn Kiệm, phường 3, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (028) 39897750

Mã số doanh nghiệp: 0102313379-001

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:

1326/GCNATTP-BQLATTP, cấp ngày 07/04/2023 tại TP.Hồ Chí Minh

II. Thông tin về sản phẩm

- Tên sản phẩm: **BÁNH SANDWICH NHO**
- Thành phần: Bột mì, nước, đường, nho khô (3.8%), bơ lạt, chất thay thế bột sữa (lactose, protein sữa, dầu cọ), men, trứng gà, muối, Toupan G1 (chất chống oxy hóa (300), chất xử lý bột (1100(i))).
- Thời hạn sử dụng sản phẩm: 4 ngày kể từ ngày sản xuất.
- Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
 - Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 300 g, 600 g hoặc theo nhu cầu của khách hàng.
 - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong hộp nhựa/ túi nhựa hoặc hộp giấy.
- Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Mã số	Tên	Địa chỉ	Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP
108	Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Thương Mại, Dịch vụ và Phân phối Tổng hợp (TP Hà Nội).	792 Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam.	1326/GCNATTP-BQLATTP, cấp ngày 07/04/2023 tại TP.Hồ Chí Minh
127	Địa Điểm Kinh Doanh Của Chi Nhánh Tại Thành Phố Hồ Chí Minh – Công Ty TNHH Thương Mại, Dịch Vụ Và Phân Phối Tổng Hợp (Tp. Hà Nội) – Siêu Thị Tops Market An Phú	Tầng hầm 1, Khu thương mại, Tòa nhà Cantavil Premier, Khu đô thị An Phú, Số 1 Đường Song Hành Xa Lộ Hà Nội, P. An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	5021/GCNATTP-BQLATTP, cấp ngày 29/11/2023 tại TP.Hồ Chí Minh

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Đính kèm (Theo 43/2017/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng hóa).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

- Chỉ tiêu độc tố vi nấm: theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 8-1:2011/BYT về quy chuẩn quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2
2	Aflatoxin tổng số	µg/kg	4

3	Ochratoxin A	µg/kg	3
4	Deoxynivalenol	µg/kg	500
5	Zearalenone	µg/kg	50

2. Chỉ tiêu kim loại nặng: theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 8-2:2011/BYT về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	0,1
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,2

3. Chỉ tiêu vi sinh vật: theo quyết định số 46/2007/QĐ-BYT về quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 ⁴
2	<i>Coliforms</i>	CFU/g	10
3	<i>E.coli</i>	MPN/g	3
4	<i>S. aureus</i>	CFU/g	10
5	<i>Cl.perfringens</i>	CFU/g	10
6	<i>B.cereus</i>	CFU/g	10
7	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	10 ²

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Ngày 04 tháng 04 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Kim Ngân

ĐÍNH KÈM :

NỘI DUNG NHÃN DỰ THẢO

BÁNH SANDWICH NHO

Thành phần: Bột mì, nước, đường, nho khô (3.8%), bơ lạt, chất thay thế bột sữa (lactose, protein sữa, dầu cọ), men, trứng gà, muối, Toupan G1 (chất chống oxy hóa (300), chất xử lý bột (1100(i))).

Khối lượng tịnh:

Dùng trực tiếp. Bảo quản nơi khô thoáng. Không sử dụng sản phẩm có dấu hiệu hư hỏng.

Hạn sử dụng:

Ngày sản xuất:

Sản xuất tại: Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Thương Mại, Dịch vụ và Phân phối Tổng hợp (TP Hà Nội). 792 Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số tự công bố: 003/TO/2024

BÁNH SANDWICH NHO

Thành phần: Bột mì, nước, đường, nho khô (3.8%), bơ lạt, chất thay thế bột sữa (lactose, protein sữa, dầu cọ), men, trứng gà, muối, Toupan G1 (chất chống oxy hóa (300), chất xử lý bột (1100(i)))

Khối lượng tịnh:

Dùng trực tiếp. Bảo quản nơi khô thoáng. Không sử dụng sản phẩm có dấu hiệu hư hỏng.

Hạn sử dụng:

Ngày sản xuất:

Sản xuất tại: Địa Điểm Kinh Doanh Của Chi Nhánh Tại Thành Phố Hồ Chí Minh – Công Ty TNHH Thương Mại, Dịch Vụ Và Phân Phối Tổng Hợp (Tp. Hà Nội) – Siêu Thị Tops Market An Phú . Tầng hầm 1, Khu thương mại, Tòa nhà Cantavil Premier, Khu đô thị An Phú, Số 1 Đường Song Hành Xa Lộ Hà Nội, P. An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số tự công bố: 003/TO/2024





Report N°: 0000408777

Page N° 1/4

Ho Chi Minh City, Date: January 12, 2024
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 12/01/2024

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2401A-0328
Đơn hàng: 2401A-0328

CLIENT'S NAME : CHI NHÁNH TẠI TP. HCM – CÔNG TY TNHH TMDV VÀ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP (TP. HÀ NỘI)

Tên khách hàng

CLIENT'S ADDRESS : 792 NGUYỄN KIÊM, PHƯỜNG 3, QUẬN GÒ VẤP, TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sample/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : BÁNH SANWICH NHO
Chú thích của khách hàng

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Food (approx. 0.52kg) in full label plastic bag
Mô tả mẫu : Thực phẩm (khoảng 0.52kg) chứa trong túi nhựa nhãn mác đầy đủ

Sample ID : 2401A-0328.001
Mã số mẫu

Date sample(s) received : January 04, 2024
Ngày nhận mẫu : 04/01/2024

Testing period : January 04, 2024 - January 10, 2024
Thời gian thử nghiệm : 04/01/2024 - 10/01/2024

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0000408777

Page N° 2/4

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	LOD	LOQ	Limit <i>Giới hạn</i>	Unit <i>Đơn vị</i>	Remark <i>Chú thích</i>
1. Total Plate Count (Mesophilic aerobic microorganism) <i>Tổng số vi sinh vật hiếu khí</i>	ISO 4833-1:2013/ Amd 1:2022	<10	-	10	10 ⁴	cfu/g	
2. Total Coliforms <i>Coliform tổng</i>	ISO 4832:2006	<10	-	10	10	cfu/g	
3. Bacillus cereus <i>Bacillus cereus</i>	AOAC 980.31	<10	-	10	10	cfu/g	
4. Clostridium perfringens <i>Clostridium perfringens</i>	ISO 7937:2004	<10	-	10	10	cfu/g	
5. E. coli <i>E. coli</i>	ISO 16649-3:2015	0	-	-	3	MPN/g	
6. Staphylococcus aureus <i>Staphylococcus aureus</i>	US FDA BAM Chapter 12	<10	-	10	10	cfu/g	
7. Total Yeast and Mold <i>Tổng nấm men và nấm mốc</i>	ISO 21527-2:2008	<10	-	10	10 ²	cfu/g	
8. Aflatoxin (sum of B1, B2, G1, and G2) <i>Aflatoxin (tổng của B1, B2, G1 và G2)</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	4	µg/kg	
9. Aflatoxin B1 <i>Aflatoxin B1</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	2	µg/kg	
10. Aflatoxin B2 <i>Aflatoxin B2</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	-	µg/kg	
11. Aflatoxin G1 <i>Aflatoxin G1</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	-	µg/kg	
12. Aflatoxin G2 <i>Aflatoxin G2</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	-	µg/kg	
13. Deoxynivalenol <i>Deoxynivalenol</i>	LFOD-TST-SOP-8456	82	3	10	500	µg/kg	
14. Ochratoxin A <i>Ochratoxin A</i>	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	3	µg/kg	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

LFOD-QAM-F-2010-1 - 08 Jun, 2022

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000408777

Page N° 3/4

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao ().*
 - All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
*Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.*
 - All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
 - Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
 - LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ; except for metal analytes that are reported as Not Detected. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).
LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ; ngoại trừ các chỉ tiêu kim loại thì kết quả được thể hiện là Không phát hiện. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).
- _(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.
_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.
- Limit = Maximum limit: According to Decision No. 46/2007/QĐ-BYT (Microorganism), QCVN 8-1:2011/BYT (Mycotoxins). It was left as a hyphen symbol ("-") for the analyte without the maximum limit mentioned on the regulation(s).

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,

Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

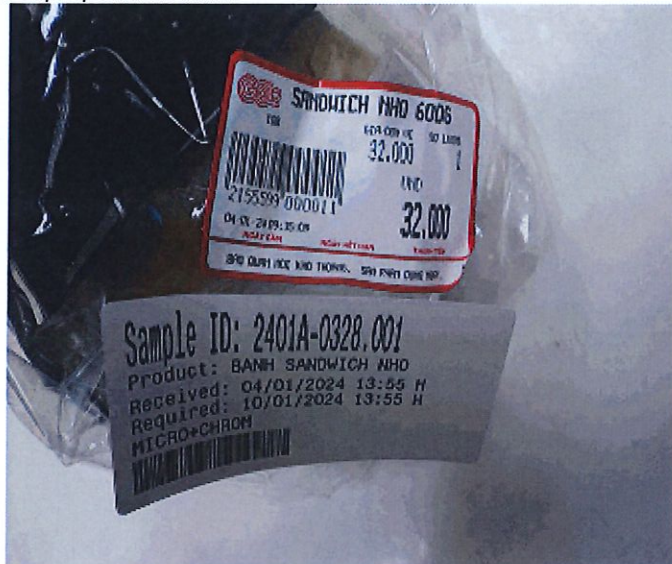
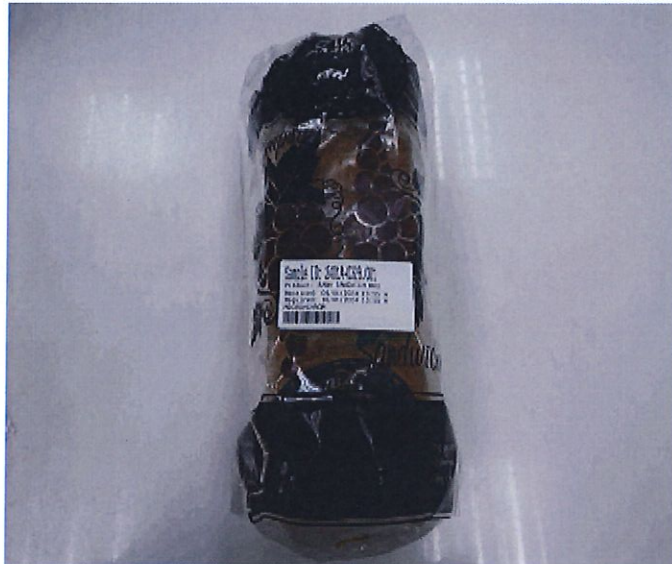
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Report N°: 0000408777

Page N° 4/4

Giới hạn = Giới hạn tối đa cho phép: Dựa theo Quyết Định số 46/2007/QĐ-BYT (Vi sinh), QCVN 8-1:2011/ BYT (Độc tố vi nấm). Mức quy định được đề với ký hiệu một gạch nối ("-") cho chất phân tích không có mức giới hạn tối đa cho phép được đề cập trong các quy định này.

PHOTO APPENDIX/PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/vn/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.